

|                         |      |
|-------------------------|------|
| <i>Cao Ribes nigrum</i> | 0,3g |
| <i>Natri citrat</i>     | 0,1g |

**Tác dụng :** Che chở, tăng sức đề kháng mạch.

**Chỉ định :** Giãn mao mạch : Bầm máu, đóm xuất huyết, rối loạn tuần hoàn vòm mạc, mạch bằng cách phối hợp điều trị bệnh cần đặc hiệu.

**Liều dùng :** Uống 4 viên/24 giờ, trước bữa ăn. Trường hợp bệnh nặng có thể uống 6-8 viên/ngày.

### Nilacid (Hungary)

**Dạng thuốc :** Viên nén chứa :

|                             |       |
|-----------------------------|-------|
| <i>Magnesium trisilicat</i> | 250mg |
| <i>Magnesium oxyd</i>       | 120mg |
| <i>Natri phosphat acid</i>  | 50mg  |
| <i>Bismuth nitrat base</i>  | 50mg  |

**Tác dụng :** Trung hòa acid dịch vị.

**Chỉ định :** Đau dạ dày do tăng acid ở dịch vị, loét dạ dày - tá tràng.

**Liều dùng :** Người lớn, ngày 3 lần x 2 viên.

### Noigel (Hàn Quốc)

**Dạng thuốc :** Gói 15ml và lọ 450ml dịch treo cùi 100ml chứa 6,667g Al magnesium silicat.

**Chỉ định :** Tăng acid dịch vị, viêm dạ dày, loét dạ dày - tá tràng.

**Liều dùng :** Ngày 3-4 lần x 7,5 -15ml, uống xa bữa ăn.

### Norgagil (Pháp)

**Dạng thuốc :** Hộp 375mg thuốc cốt có :

|                      |         |
|----------------------|---------|
| <i>Góm Sterculia</i> | 206,25g |
| <i>Attapulgít</i>    | 56,25g  |
| <i>Meprobamat</i>    | 7,5g    |

**Chỉ định :** Bệnh đại tràng chức năng.

**Liều dùng :** Người lớn, uống 2 thìa cà phê, cuối bữa ăn chính và sau khi ăn sáng.

**Chống chỉ định :** Hẹp óng tiêu hóa.

**Lưu ý :** Thuốc làm buồn ngủ. Cảm uống rượu hay nước có rượu khi dùng thuốc. Không dùng trong 3 tháng đầu có thai. Không dùng các thuốc khác cùng lúc (giảm hoặc mất tác dụng thuốc khác).- Có cảm giác trướng bụng.

### Normacol special

**Dạng thuốc :** Hộp 375g và 1 kg thuốc cốt có : Gôm Sterculia 61%.

**Tác dụng :** Chất nhầy thiên nhiên có tính chất giữ nước cao và tính nhuận tràng cơ học (tăng thể tích phân)

**Chỉ định :** Táo bón.

**Liều dùng :** 1-3 thìa cà phê vào cuối 2 hay 3 bữa ăn chính. Nhai thuốc rồi chiên với ít nước.

**Chống chỉ định :** Hẹp óng tiêu hóa.

**Lưu ý :** Không dùng thuốc lâu dài - Thuốc gây cảm giác đau bụng. Còn có dạng thuốc Normacol Bourdaine và Normacol không có đường (dùng cho người dài thảo đường). Normacol dipropylin trong đó có 0,5% Alverin (dipropylin) có cùng chỉ định và chống chỉ định như trên.

### Normaflore (Pháp)

**Dạng thuốc :** Viên chứa 5 triệu vi khuẩn sống Escherichia coli communis đông khô.

**Tác dụng :** Trị ia chảy bằng vi khuẩn.

**Chỉ định :** Phòng ia chảy do dùng kháng sinh, ia chảy không phải chức năng.

**Liều dùng :** Người lớn và trẻ em : 4-8 viên/ngày. Trẻ dưới 30 tháng 1/2 liều.

**Lưu ý :** Cần bù nước và điện giải khi cần thiết.

### Normogastryl (Pháp)

**Dạng thuốc :** Viên sủi bột có :

|                          |        |
|--------------------------|--------|
| <i>Natri bicarbonat</i>  | 0,17g  |
| <i>Natri sulfat khan</i> | 0,285g |
| <i>Dinatri phosphat</i>  | 0,195g |
| <i>Natri bromid</i>      | 0,250g |
| <i>Natri benzoat</i>     | 0,120g |

**Tác dụng :** Hiệu chỉnh acid dạ dày, làm êm dạ dày kinh thực vật- 1 viên trung hòa khoảng 5mEq ion  $H^+$ .

**Chỉ định :** Các rối loạn do tăng tiết acid dịch vị gây q chua, nóng, hồi lưu thực quản, dạ dày, buôn nôn.

**Liều dùng :** Cho tan viên thuốc trong nửa ly nước, uống sau khi ăn sáng, trưa, chiều và lúc khó chịu. Người lớn : uống 1-2 viên. Trẻ em 3-4 tuổi uống 1/2 viên. Trẻ còn bú dưới 3 tuổi uống 1/4 viên.

**Lưu ý :** Gây trầm düş, dùng lâu sẽ nổi mụn trứng cá, ban da.